

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG THƯỢNG CÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND phường Thượng Cát)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN:

1. Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Mã số định danh cá nhân:

- Nơi thường trú:

- Nơi ở hiện nay:

Số điện thoại:

2. Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):

- Mã số định danh cá nhân:

- Nơi thường trú:

- Nơi ở hiện nay:

Số điện thoại:

3. Địa chỉ nơi thu hồi đất:

4. Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất :

2 khẩu (Trong đó: 2 khẩu đủ điều kiện và 0 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)

5. Tổng diện tích đất đang sử dụng:

2.121,0 m²;

Trong đó:

- Diện tích đất trong chỉ giới thu hồi tại dự án:

1.828,0 m²;

Trong đó:

+ Nguồn gốc đất: Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất:

1.828,0 m²;

+ Đất nông nghiệp không giao thuộc quỹ đất quy hoạch 6,05% hộ gia đình sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004:

0,00 m²;

+ Đất nông nghiệp công ích 4,95% do UBND phường quản lý:

0,00 m²;

- Diện tích đất ngoài chỉ giới thu hồi tại dự án:

293,0 m²;

6. Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp được giao theo quy định bị thu hồi đến thời điểm hiện tại:

91,90%

Các đồng thừa kế và các đồng sử dụng theo quy định của pháp luật của ông Vũ Đình Liên

TDP Phúc Lý 2, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

TDP Phúc Lý 2, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

0976443682

Các đồng thừa kế và các đồng sử dụng theo quy định của pháp luật của ông Vũ Đình Liên

TDP Phúc Lý 2, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

TDP Phúc Lý 2, phường Tây Tựu, thành phố Hà Nội.

0976443682

Phường Thượng Cát, thành phố Hà Nội.

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất:

Stt	Nội dung bồi thường, hỗ trợ đất	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng/m ²)	Tỷ lệ BT, HT (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(4)x(5)x(6)	(8)
1	Đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất:	m ²	1828,0	290.000	100%	530.120.000	
2	Đất nông nghiệp không giao thuộc quỹ đất quy hoạch 6,05% hộ gia đình sử dụng ổn định trước ngày 01/7/2004:	m ²	0,00	290.000	100%	0	
3	Đất nông nghiệp công ích 4,95% do UBND phường quản lý:	m ²	0,00	50.000	100%	0	
Tổng cộng: (A)						530.120.000	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản gắn liền với đất thu hồi:

2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định: Không

2.2. Nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định:

Stt	Tên tài sản (loại nhà, công trình, quy cách...)	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Giá trị xây mới	Thời gian khấu hao (năm)	Thời gian đã qua sử dụng (năm)	Giá trị hiện có	Mức bồi thường	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Hàng rào dây thép gai, dài 34m, cao 2m (bao gồm 12 cột bê tông, cao 2m, kích thước 10x10cm)	m2	68,00									Không bồi thường, hỗ trợ theo điều 105, Luật Đất đai năm 2024
2	01 nhà tạm bán mái, mái lợp fibroximang, nền láng xi măng, cao 1,8m(dài 2,8m x rộng 2m)	m2	5,60									
3	Lưới đen, khung sắt diện tích 230m2	m2	230,00									
Tổng tiền: (B)											0	

2.3. Cây trồng, vật nuôi là thủy sản (số lượng, đường kính gốc, mật độ,...):

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Rau tía tồ diện tích 816m2 (chưa đến kì thu hoạch)	m2	816,0	13.700	100%	11.179.200	
2	01 cây nhãn ĐK thân ≥ 35cm; cao ≥ 3m (trồng trên bờ ao)	cây	1	1.680.000	25%	420.000	
3	Bưởi diển ĐK tán ≥3m	cây	46	957.000	50%	22.011.000	
4	Bưởi diển ĐK tán ≥3m	cây	13	957.000	25%	3.110.250	Hỗ trợ vượt mật độ
5	Hàng rào Boro; dài 62,79m; cao 2m	m2	125,58	4.200	100%	527.436	
6	Ao phục vụ tưới tiêu diện tích 100m2	m2	100,0	0	100%	0	Không bồi thường, hỗ trợ.
Tổng cộng: (C)						37.247.886	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác:

Stt	Khoản bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (bảng 5 lần giá đất nông nghiệp): 290.000đ/m2 x 5 lần = 1.450.000đ/m2.	m2	1.828,0	1.450.000	2.650.600.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên 70% diện tích đất NN đang sử dụng (30kg x 12 tháng x 16.000đ/kg = 5.760.000đ/khâu nông nghiệp).	Khâu	2	5.760.000	11.520.000	Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ
3	Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: 3.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/chủ sử dụng đất.	m2			0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện, nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng quy định
Tổng tiền: (D)					2.662.120.000	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (nếu có) (E): Không

5. Phương án tái định cư (F): Không

III. Tổng số tiền BT, HT và ĐC: (A)+(B)+(C)+(D)

3.229.487.886 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách: (E) + (F)

0 đồng

V. Tổng số tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)
(- Nếu $(V) > 0$ thì được nhận số tiền sau cân đối;
- Nếu $(V) < 0$ thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

3.229.487.886 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ, hai trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi sáu đồng.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quang Tiến